

Văn học Pali trong kho tàng văn học Phật giáo

ISSN: 2734-9195 10:10 22/07/2026

Tuy nhiên, trong nghiên cứu, học tập và thực hành giáo pháp của đức Phật, có thể khẳng định văn học Pāli là nguồn tư liệu có vai trò cực kỳ quan trọng.

Tác giả: **Vĩnh Thông**

Hội Nhà văn Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

1. Dẫn nhập

Phật giáo lưu giữ kho tàng Thánh điển đồ sộ với nhiều ngôn ngữ như Sanskrit, Pāli, Hán, Tạng... Trong đó, văn học Pāli được đánh giá là hệ thống **văn học Phật giáo** có sự đa dạng về nội dung và hình thức.

Tam tạng Pāli đã giữ được tính nguyên thủy gần với thời đại của đức Phật hơn các trường phái Phật giáo khác. Bởi, bộ phái truyền thừa văn liệu này là Thượng tọa bộ (Theravāda), với chủ trương giữ gìn gần như nguyên vẹn những lời dạy của đức Thế Tôn. Điều này khiến toàn bộ Thánh điển Pāli có tính thống nhất cao về tư tưởng.

Chính vì vậy, tư liệu văn học Pāli được giới nghiên cứu đánh giá cao và xem là nguồn tham chiếu đáng tin cậy. Đối với những người theo đạo Phật, văn học Pāli là nguồn tư liệu cần thiết và quan trọng trong quá trình học hỏi và thực hành giáo pháp của đức Thế Tôn.

2. Nguồn gốc tiếng Pali

Tiếng Pāli là một trong những ngôn ngữ cổ ở bán đảo Ấn Độ, đặc biệt là ngôn ngữ truyền bá Phật giáo Thượng tọa bộ. Ở Việt Nam, các dịch giả đôi khi sử dụng thuật ngữ Nam Phạn để chỉ cho tiếng Pāli, phân biệt với tiếng Sanskrit là Bắc Phạn.



Ảnh: Sur tamm

Theo quan điểm truyền thống của Phật giáo **Thượng tọa bộ**, tiếng Pāli có tiền thân là ngôn ngữ của cư dân nước Magadha (Ma-kiệt-đà). Đây là vương quốc cổ thời đức Phật, đồng thời là một trong những trung tâm hoàng pháp của Ngài, ngày nay là bang Bihar ở miền Đông Ấn Độ.

Theo quan điểm hiện đại của các nhà ngôn ngữ học, tiếng Pāli được xếp vào ngữ hệ Ấn - Âu trung đại, xuất hiện sau tiếng Sanskrit khá muộn. Bhikkhu Bodhi cho rằng, tiếng Pāli là sự pha trộn của một số ngôn ngữ Prakrit khoảng thế kỷ III TTL và Sanskrit hóa một phần. (1) Còn theo K.R. Norman, không có phương ngữ nào thuộc ngữ hệ Ấn - Âu cổ đại có tất cả các đặc điểm của tiếng Pāli. (2)

Từ “Pāli” có nghĩa là “các hàng chữ” hoặc “văn bản gốc”. Phật giáo Thượng tọa bộ giải thích, thuật ngữ “Pāli” thời kỳ đầu được dùng chỉ các tác phẩm nguyên thủy (Chính tạng), phân biệt với các tác phẩm chú giải hoặc dịch thuật, do đó nó còn có nghĩa là “kinh điển”. Trên thực tế, từ “Pāli” không xuất hiện trong các văn bản thuộc Tam tạng Thánh điển ban đầu, mà xuất hiện trong các tác phẩm về sau. K.R.Norman cho rằng, thuật ngữ này xuất hiện ở Sri Lanka đầu thế kỷ II, mà người ta đã nhầm lẫn từ ghép “Pāli-bhāsa” có nghĩa là “ngôn ngữ kinh điển” trở thành “ngôn ngữ Pāli” và xem đó là tên của một ngôn ngữ. (3)

Vào thế kỷ XIII, nhà sử học **Tây Tạng** Buton Rinchen Drub cho rằng, các bộ phái Phật giáo thời kỳ đầu đã lựa chọn sử dụng các ngôn ngữ khác nhau để truyền bá Tam tạng, chẳng hạn Đại chúng bộ (Mahāsāṃghika) sử dụng tiếng Prākrit, Thuyết nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin) sử dụng tiếng Sanskrit, Trưởng lão bộ (Sthaviravādin) sử dụng tiếng Paisācī, Chánh lượng bộ (Sammitīya) sử

dụng tiếng Apabhramśa... (4) Từ nhận định này, các học giả hiện đại đã đưa ra giả thuyết về mối quan hệ giữa tiếng Pālisācī và tiếng Pāli. Song, cho đến nay, quê hương của tiếng Pāli vẫn là câu hỏi chưa lời đáp.

Đặc biệt, Pāli là ngôn ngữ không có chữ viết riêng. Ở mỗi quốc gia, người ta sử dụng chữ viết của quốc gia đó để ghi âm tiết tiếng Pāli. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) được thành lập, đặt trụ sở tại Anh quốc. Hội đã sử dụng bảng chữ cái Latinh để ghi âm tiếng Pāli, được cộng đồng Phật giáo quốc tế ủng hộ và sử dụng rộng rãi đến nay.

3. Tổng quan về văn học Pali

Văn học Pāli là hệ thống các tác phẩm Phật giáo lưu truyền bằng tiếng Pāli, ban đầu chỉ truyền miệng, về sau được ghi chép. Các tác phẩm này chủ yếu thuộc trường phái Thượng tọa bộ. Văn học Pāli rất phong phú, trong đó nổi bật là ba nhóm: Kinh (Sutta) là những bài giảng của đức Phật, Luật (Vinaya) là những quy tắc ứng xử trong Tăng đoàn, Luận (Abhidhamma) là những phân tích về tư tưởng Phật giáo. Ngoài ra, văn học Pāli có các tác phẩm chú giải, lịch sử, thơ ca, hướng dẫn... Phần lớn các tác phẩm đã đến từ Sri Lanka, vùng đất được xem là trung tâm của Phật giáo Thượng tọa bộ.

Về nguồn gốc văn học Pāli, hiện nay chưa thể khẳng định chính xác về niên đại ra đời của văn học truyền miệng, có khả năng là khoảng thế kỷ III trước Tây lịch (TTL).

Truyền thống này được duy trì sau khi đức Thế Tôn nhập Niết-bàn. Ba tháng sau khi đức Phật diệt độ, **Đại hội Kết tập** Tam tạng lần thứ nhất diễn ra ở thành Rājagaha (Vương Xá). Tại đây, Tôn giả Ananda đã đọc lại Pháp (Dharma) là những lời dạy của đức Phật và Tôn giả Upali đã đọc lại Luật (Vinaya) là những quy định trong Tăng đoàn.

Đại hội Kết tập Tam tạng lần thứ hai diễn ra tại Vesālī (Tý-xá-li) vào khoảng 100 năm sau khi đức Thế Tôn nhập diệt. Trải qua hơn một thế kỷ tiếp theo, Đại hội Kết tập Tam tạng lần thứ ba diễn ra tại Pāṭaliputta (Hoa Thị). Lúc này, Tam tạng được sắp xếp một cách trật tự. Sau đó, vua Asoka cử nhiều phái đoàn truyền giáo đến các quốc gia láng giềng. Trong đó, đoàn truyền giáo do Trưởng lão Mahinda dẫn đầu đến Sri Lanka và Tam tạng bắt đầu xuất hiện ở đảo quốc này, hình thức vẫn là truyền miệng.

Văn học viết ra đời muộn hơn. Phật giáo Thượng tọa bộ cho rằng, trong Đại hội Kết tập Tam tạng lần thứ tư tại Sri Lanka vào khoảng thế kỷ I TTL, Tam tạng được viết trên lá bối bằng chữ Sinhala.(5) Đến khoảng thế kỷ V, khi đó Luận sư

Buddhaghosa từ Ấn Độ đến Sri Lanka đã dịch thuật và biên tập Tam tạng Sinhala sang ngôn ngữ Pāli. Trái lại theo Steven Collins, những bản khắc bằng tiếng Pāli sớm nhất thế giới được tìm thấy có niên đại là thế kỷ I, nhưng ở Đông Nam Á lục địa,(6) chứ không phải Sri Lanka.

Về phân loại, văn học Pāli bao gồm:

(1) *Chính tạng*

(2) *Tạp tạng*

(3) *Chú giải*

(4) *Phụ chú giải*

(5) *Các sử liệu Pāli*

(6) *Sách giản lục*

(7) *Các tác phẩm thi ca hậu thời*

(8) *Sách văn phạm Pāli*

(9) *Các tác phẩm về ngữ âm học, tu từ học và từ vựng Pāli*

Trong đó, bộ phận quan trọng nhất là Chính tạng, thường gọi là Tam tạng (Tipitaka). Từ “pitaka” trong tiếng Pāli có nghĩa là giỏ, nhóm, tập hợp... Hán dịch “tạng” có nghĩa là kho tàng. Tam tạng bao gồm Kinh tạng (Suttanta pitaka) là lời thuyết giảng của đức Phật và một số ít của các đệ tử, Luật tạng (Vinaya pitaka) là các quy tắc sinh hoạt của người xuất gia và một số thông tin về lịch sử phát triển của Tăng đoàn, Luận tạng (Abhidhamma pitaka) là công trình phân tích chi tiết về triết học và tâm lý học Phật giáo.

Ở Việt Nam, dù Phật giáo có mặt trên 2.000 năm, nhưng chủ đạo là Đại thừa, nên Thánh điển Pāli được phiên dịch muộn. Từ thập niên 1960 đến thập niên 1990, HT.Thích Minh Châu đã phiên dịch Kinh tạng (trong đó một phần nhỏ do cư sĩ Nguyễn Tâm - Trần Phương Lan cùng tham gia thực hiện). Song song đó, HT.Tịnh Sự phiên dịch Luận tạng và quý Tôn túc Phật giáo Nam tông như HT.Hộ Tông, Bửu Chơn, Giới Nghiêm cũng tham gia phiên dịch một số tác phẩm.(7) Thập niên 2010, Thượng tọa Indacanda (Chánh Thân) phiên dịch Luật tạng, Kinh Tiểu bộ thuộc Kinh tạng và một số tác phẩm khác.

4. Giá trị của văn học Pali

Văn học Pāli là nguồn tư liệu có giá trị quan trọng hàng đầu, Tam tạng là trụ cột của hệ thống văn điển này. “Đó là những pháp thoại của đức Phật, những câu chuyện ngụ ngôn văn chương, thi ca đậm màu giải thoát và những bước đi lịch sử của Tăng đoàn với nhiều bài giảng của chư vị Thánh Tăng, Thánh Ni.”(8) Qua thời gian, các tác phẩm nghiên cứu, chú giải, dịch thuật, hướng dẫn... ra đời về sau càng lúc càng phong phú. Những công trình ấy đã góp phần giúp kho tàng Thánh điển Pāli trở nên đồ sộ cả về dung lượng lẫn tư tưởng và trở thành di sản vô giá của nhân loại. Nhìn về tầm quan trọng của văn học Pāli, chúng ta có thể nhận định qua một số phương diện sau:

Về phương diện tư tưởng, nội dung Thánh điển Pāli chứa đựng những tư tưởng thâm sâu trong triết học Phật giáo, tính thực tiễn, có khả năng hướng dẫn con người thực tập để đi đến giác ngộ. Cũng như Kinh Ví dụ tấm vải (Kinh Trung bộ) đã khẳng định: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí chứng hiểu”. (9)

Văn học Pāli bao quát nhiều đề tài rộng lớn, có phương pháp tu tập của người xuất gia, cách rèn luyện tâm, con đường giải thoát... , có các quan hệ xã hội, đường lối quản trị đất nước, cách xây dựng đời sống hạnh phúc cho cư sĩ... Nhìn chung, tất cả đều xoay quanh ba trụ cột chính là trách nhiệm đạo đức (giới), an tịnh tâm hồn (định) và nhận thức đúng đắn (tuệ).

Ngoài bộ phận cốt lõi là Tam tạng, các tác phẩm ra đời sau này như chú thích, luận giải, hướng dẫn, thơ ca, từ vựng... đã đóng góp đáng kể vào sự phong phú về tư tưởng Phật giáo nói chung và tư tưởng Thượng tọa bộ nói riêng.

Về phương diện lịch sử, vì tiếng Pāli là một trong những ngôn ngữ truyền bá Phật giáo được ghi chép từ rất sớm, nên văn học Pāli được xem là “nguồn tài liệu đáng chú ý và được xem trọng hơn bất kỳ nguồn tài liệu nào khác, nếu chúng ta muốn có được bất kỳ thông tin nào về đức Phật và cuộc đời của Ngài”. (10)

Quả như thế, Thánh điển Pāli (mà chủ yếu là Kinh tạng và Luật tạng) đã tái hiện sinh động hình ảnh đức Thế Tôn du phương giáo hóa khắp mọi nơi, tiếp xúc với mọi tầng lớp trong xã hội, thuyết giảng nhiều vấn đề, giải đáp nhiều thắc mắc của quần chúng... Ngài trình bày rất tự nhiên nhưng cũng rất thuyết phục, với nhiều hình thức khác nhau tùy theo đối tượng đang đối thoại. Nhờ đó, người đời sau có nguồn tham khảo đáng tin cậy về lịch sử của đức Phật và Tăng đoàn. Hiện nay, ngoại trừ văn điển Pāli, không có nguồn văn điển Phật giáo nào thể hiện tính lịch sử đậm nét như thế.

Về phương diện xã hội, văn học Pāli cung cấp cho người đọc những dữ liệu mang tính thực tiễn về đời sống của cư dân Ấn Độ thời đức Phật. Qua đó, chúng ta không chỉ biết những thông tin về Phật giáo, mà còn biết về bối cảnh Ấn Độ cổ đại qua các khía cạnh đa dạng như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội... Đó cũng là những gì mà đức Thế Tôn và các đệ tử đã trực tiếp tiếp xúc, trải qua, gần gũi.

Bởi thế, mặc dù là Thánh điển tôn giáo, nhưng các tác phẩm Pāli đồng thời được xem là tư liệu cần thiết để nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến nền văn minh Ấn Độ cổ đại. Maurice Winternitz đánh giá: “Văn học Veda dẫn chúng ta vào các thời đại cổ xưa thời tiền sử, chỉ với văn học Phật giáo chúng ta mới thật sự đặt chân vào thời đại sáng sủa của lịch sử. Trong chừng mực nào đó màn đêm của các tài liệu Veda và sử thi Ấn Độ bị đẩy lùi bởi ánh sáng này”. (11)

Về phương diện ngôn ngữ, tiếng Pāli được đánh giá là ngôn ngữ khá gần gũi với lời nói thường ngày mà đức Phật đã sử dụng. (12) Đồng thời, tiếng Pāli có những ưu điểm là ngôn ngữ đã phát triển khá hoàn thiện, như S.C.Banerji nhận xét đó là “một thứ tiếng quá đồi đặc dụng và có nhiều khả năng chuyển tải”. (13) Do đó, nó có khả năng diễn đạt một cách trọn vẹn, sinh động và tinh tế những vấn đề trong bối cảnh Ấn Độ - nền văn hóa gắn liền với Phật giáo.

Đọc Tam tạng Pāli, người đọc có thể nhận thấy những lời nói gần gũi với đời sống thực tiễn của quần chúng, không gọt giũa, không trau chuốt. Trong khi đó, Tam tạng Sanskrit mà hậu thân là Tam tạng Hán ngữ bị biên tập khá rõ nét. Mặt khác, văn học Pāli ít chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại nhập, ít bị “bản địa hóa” khi truyền sang Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào, Cambodia... Đây cũng là ưu điểm của văn điển Pāli so với văn điển Sanskrit, Hán và Tây Tạng.

Về phương diện bộ phái, ngoài giá trị đối với Phật giáo nói chung, văn học Pāli có giá trị đặc biệt quan trọng đối với Thượng tọa bộ nói riêng. Bởi đây là kho tàng lưu giữ tất cả những tinh hoa của bộ phái này, từ tư tưởng đến lịch sử và những vấn đề có liên quan.

Chúng ta biết, Thánh điển của các bộ phái Phật giáo ở Ấn Độ gần như đã biến mất sau khi đất nước này bị những người theo Islam giáo xâm chiếm và tàn phá vào thế kỷ XI - XII. May mắn là, Tam tạng Sanskrit được truyền sang Trung Hoa và lưu giữ khá đầy đủ ở phiên bản chữ Hán, nhưng đó là bộ sưu tập từ nhiều bộ phái khác nhau: Trường A-hàm (Dīrgha Āgama) thuộc Pháp tạng bộ (Dharmaguptaka), Trung A-hàm (Madhyama Āgama) thuộc Thuyết nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda), Tạp A-hàm (Samyukta Āgama) thuộc Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ (Mūlasarvāstivāda), Tăng nhất

A-hàm (Ekottara Āgama) thuộc Đại chúng bộ (Mahāsanghika).

Trong khi đó, Tam tạng Pāli được lưu giữ ở Sri Lanka nên tránh khỏi tai họa từ chiến tranh, đồng thời là bộ sưu tập trọn vẹn tư tưởng của một bộ phái duy nhất là Thượng tọa bộ.

5. Văn học Pali trong đời sống hiện nay

Ngày nay, để có được Thánh điển là công sức của nhiều thế hệ, họ không chỉ gìn giữ và truyền bá Tam tạng, mà còn biên tập, bổ sung, luận giải để hình thành hệ thống phong phú. Bên cạnh đó, không thể không kể đến vai trò của giới nghiên cứu cả từ phương Đông và phương Tây, họ đã vượt qua những rào cản khác biệt về văn hóa để nghiên cứu về văn học Pāli, góp phần đưa các tác phẩm đến với thế giới.



Ảnh: Sưu tầm

Nếu nhiều thế kỷ trước, văn học Pāli đã có ở các quốc gia Phật giáo Thượng tọa bộ như Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào, Cambodia... thì hiện nay văn học

Pāli đã có ở nhiều quốc gia trên thế giới, thậm chí các quốc gia chưa có truyền thống Phật giáo.

Đối với những tín đồ Phật giáo ở Việt Nam, việc tìm hiểu Thánh điển Pāli là cần thiết, vì trong lịch sử Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm từ Phật giáo Đại thừa, kết hợp các truyền thống tư tưởng - tôn giáo Đông Á như Nho giáo và Đạo giáo, tín ngưỡng dân gian... Vì vậy, sự quay về cội nguồn Thánh điển Pāli là phương cách hữu hiệu để Phật giáo Việt Nam “gạn đục khơi trong”, bổ sung thêm những tư liệu quý giá, giúp định hướng thực hành có hiệu quả trên con đường tu tập.

Trong Kinh Ví dụ con rắn (Kinh Trung bộ), đức Phật tuyên bố: “Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt đư qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các ông cần hiểu ví dụ cái bè... Chính pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp”. (14) Bởi thế, đệ tử Phật cần thấu hiểu quan điểm đó, không trở thành người lệ thuộc văn tự mà quên mất vai trò của bản thân. Nếu vận dụng những giá trị từ văn học Pāli một cách hợp lý, chắc hẳn mỗi người đều có thể tiến bộ trên con đường tu tập, chuyển hóa bản thân, giải phóng khỏi khổ đau, tìm thấy sự an lạc trong đời sống...

6. Kết luận

Sau hàng ngàn năm với những thăng trầm của lịch sử, chắc chắn chúng ta không dám khẳng định rằng Tam tạng Thánh điển vẫn giữ được nguyên vẹn những lời dạy ban đầu của đức Thế Tôn, dù các văn bản ấy thuộc trường phái Phật giáo nào. Tuy nhiên, trong nghiên cứu, học tập và thực hành giáo pháp của đức Phật, có thể khẳng định văn học Pāli là nguồn tư liệu có vai trò cực kỳ quan trọng. Là ngôn ngữ cổ ở bán đảo Ấn Độ và khá gần gũi với ngôn ngữ thời đức Phật, tiếng Pāli có khả năng chuyển tải nhiều nội dung về tư tưởng, văn hóa, xã hội... thời bấy giờ. Mặt khác, sự hình thành từ một nguồn gốc là Thượng tọa bộ mang đến cho văn điển Pāli một diện mạo thống nhất, mạch lạc, trật tự. Qua đó, chúng ta có thể tiếp cận một cách khá toàn diện về cuộc đời của một con người vĩ đại đã bước khỏi sự trói buộc của thế gian, đạt an lạc tuyệt đối, rồi hướng dẫn nhân loại bước chân theo. Ngoài ra, người đọc còn có thể hình dung về lịch sử hoàng pháp của đức Phật và Tăng đoàn, bối cảnh xã hội Ấn Độ đương thời, những khác biệt về tư tưởng của Phật giáo và ngoại đạo.

Việc nghiên cứu văn học Pāli cần tiếp tục phát huy, không chỉ bởi cộng đồng Phật giáo, mà còn bởi những trí thức có quan tâm đến nền triết học vượt thời gian này.

Tác giả: **Vĩnh Thông** - *Hội Nhà văn Việt Nam*

Chú thích:

- (1) Bhikkhu Bodhi (2005), *In the Buddha's words*, Wisdom Publications, tr. 10.
- (2) K. R. Norman (1983), *Pali literature*, Otto Harrassowitz, tr. 2-3. (3) K. R. Norman (1983), *Sđđ*, tr. 2-3.
- (4) Zhihua Yao (2009), *The Buddhist theory of self-cognition*, Routledge, tr. 9.
- (5) Người Sinhale là cộng đồng chính ở đảo quốc Sri Lanka.
- (6) Steven Collins (2003), "What is literature in Pali?", trong Sheldon Pollock chủ biên, *Literary cultures in history: Reconstructions from South Asia*, University of California Press, tr. 649-688.
- (7) Thích Giác Hoàng (2021), "Giới thiệu khái quát Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam", Website Đạo Phật Khất Sĩ (www.daophatkhatsi.vn), 6/8/2021.
- (8) Tâm Thức (2019), "Giới thiệu sơ lược kinh điển Pāli", Website Chùa Hoàng Pháp (www.chuahoangphap.com.vn), 29/04/2019.
- (9) Kinh Trung bộ (2012), Tập I, Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo, tr. 62.
- (10) H. Oldenberg (1997), *Buddha: His life, His doctrine, His order*, Motilal Banaridass Publishers, tr.74.
- (11) Maurice Winternitz (1993), *History of Indian Literature*, Vol. II, Motilal Banaridass Publishers, tr.3.
- (12) Bhikkhu Bodhi (2019), *Hợp tuyển lời Phật dạy từ Kinh tạng Pāli*, Nguyên Nhật Trần Như Mai dịch, Nxb Hồng Đức, tr. 15.
- (13) S. C. Banerji (2003), "Giới thiệu văn học kinh điển Pāli", Giác Nguyên dịch, Website Buddha Sasana (www.budsas.org), 22/6/2003.
- (14) Kinh Trung bộ (2012), Tập I, Sđđ, tr. 179.

Tài liệu tham khảo:

- 1] Bhikkhu Bodhi (2005), *In the Buddha's words*, Wisdom Publications.

- 2] Bhikkhu Bodhi (2019), *Hợp tuyển lời Phật dạy từ Kinh tạng Pāli*, Nguyên Nhật Trần Như Mai dịch, Nxb Hồng Đức.
- 3] H. Oldenberg (1997), *Buddha: His life, His doctrine, His order*, Motilal Banarridass Publishers.
- 4] Kinh Trung bộ (2012), Tập I, Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo.
- 5] K. R. Norman (1983), *Pali literature*, Otto Harrassowitz.
- 6] Maurice Winternitz (1993), *History of Indian Literature, Vol. II*, Motilal Banarridass Publishers.
- 7] Steven Collins (2003), “What is literature in Pali?”, trong Sheldon Pollock chủ biên, *Literary cultures in history: Reconstructions from South Asia*, University of California Press.
- 8] S. C. Banerji (2003), “Giới thiệu văn học kinh điển Pāli”, Giác Nguyên dịch, Website Buddha Sasana (www.budsas.org), 22/6/2003.
- 9] Tâm Thức (2019), “Giới thiệu sơ lược kinh điển Pāli”, Website Chùa Hoàng Pháp (www.chuahoangphap.com.vn), 29/04/2019.
- 10] Thích Giác Hoàng (2021), “Giới thiệu khái quát Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam”, Website Đạo Phật Khất Sĩ (www.daophatkhatsi.vn), 6/8/2021.
- 11] Zhihua Yao (2009), *The Buddhist theory of self-cognition*, Routledge.